BIỂU PHÍ DỊCH VỤ THẺ GHI NỢ QUỐC TẾ

ÁP DỤNG CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN TẠI VIETCOMBANK

(Có hiệu lực từ ngày 28.03.2023)

STT	Dịch vụ	Mức phí
1	**Phí phát hành thẻ**	
1.1	Thẻ Vietcombank Visa Platinum	
1.1.1	*Thẻ chính*	Miễn phí
1.1.2	*Thẻ phụ*	Miễn phí
1.2	Thẻ Vietcombank Visa Platinum eCard (không có thẻ phụ)	Miễn phí
1.3	Thẻ Vietcombank Connect24 Visa/ Vietcombank eVer-link	
1.3.1	*Thẻ chính*	45.454 VNĐ/thẻ
1.3.2	*Thẻ phụ*	45.454 VNĐ/thẻ
1.4	Thẻ Vietcombank Connect24 Visa eCard/ Vietcombank eVer-link eCard (không có thẻ phụ)	Miễn phí
1.5	Thẻ Vietcombank Mastercard	
1.5.1	*Thẻ chính*	45.454 VNĐ/thẻ
1.5.2	*Thẻ phụ*	45.454 VNĐ/thẻ
1.6	Thẻ Saigon Centre – Takashimaya – Vietcombank Visa (không có thẻ phụ)	Miễn phí
1.7	Thẻ Vietcombank Đại học quốc gia HCM Visa (không có thẻ phụ)	Miễn phí
2	**Phí thường niên**	
2.1	Thẻ Vietcombank Visa Platinum	327.273 VNĐ/thẻ chính/năm Miễn phí thẻ phụ
2.2	Thẻ Vietcombank Visa Platinum eCard	163.636 VNĐ/thẻ chính/năm
2.3	Thẻ Vietcombank Connect24 Visa/ Vietcombank eVer-link	54.545 VNĐ/thẻ/năm Miễn phí trong 01 năm đầu tiên kể từ thời điểm phát hành thẻ lần đầu
2.4	Thẻ Vietcombank Connect24 Visa eCard/ / Vietcombank eVer-link eCard	Miễn phí

STT	Dịch vụ	Mức phí
2.5	Thẻ Saigon Centre – Takashimaya – Vietcombank Visa	54.545 VNĐ/thẻ/năm Miễn phí trong 01 năm đầu tiên kể từ thời điểm phát hành thẻ lần đầu
2.6	Thẻ Vietcombank Đại học quốc gia HCM Visa	54.545 VNĐ/thẻ/năm Miễn phí trong 2 năm đầu tiên kể từ thời điểm phát hành thẻ lần đầu
2.7	Các thẻ GNQT khác (Mastercard/ Cashback Plus American Express/ UnionPay)	54.545 VNĐ/thẻ/năm
3	**Phí dịch vụ phát hành nhanh** (Không áp dụng cho các sản phẩm thẻ đồng thương hiệu; Chưa bao gồm phí phát hành/phát hành lại thẻ; Chỉ áp dụng tại địa bàn HN, HCM)	45.454 VNĐ/thẻ
4	**Phí phát hành lại/thay thế thẻ** (theo yêu cầu của chủ thẻ)	
4.1	Thẻ Vietcombank Visa Platinum/ Vietcombank Đại học quốc gia HCM Visa/ Thẻ Vietcombank Visa Platinum eCard	Miễn phí
4.2	Các thẻ GNQT khác (Connect 24 Visa/ eVer-link/ Mastercard/ Cashback Plus American Express/ UnionPay/ Saigon Centre – Takashimaya – Vietcombank Visa/Connect24 Visa eCard/ eVer-link eCard)	45.454 VNĐ/thẻ
5	**Phí cấp lại PIN giấy**	
5.1	Thẻ Vietcombank Visa Platinum/ Vietcombank Đại học quốc gia HCM Visa/Vietcombank Visa Platinum eCard	Miễn phí
5.2	Các thẻ GNQT khác (Connect 24 Visa/ eVer-link/ Mastercard/ Cashback Plus American Express/ UnionPay/ Saigon Centre – Takashimaya – Vietcombank Visa/Connect24 Visa eCard/ eVer-link eCard)	9.090 VNĐ/lần/thẻ
6	**Phí thông báo thẻ mất cắp, thất lạc**	
6.1	Thẻ Vietcombank Visa Platinum/ Vietcombank Visa Platinum eCard	Miễn phí
6.2	Thẻ Vietcombank Cashback Plus American Express	45.454 VNĐ/thẻ/lần
6.3	Thẻ Vietcombank Connect 24 Visa/ eVer-link/ Mastercard/ UnionPay/ Saigon Centre – Takashimaya – Vietcombank Visa/ Vietcombank Đại học quốc gia HCM Visa/ Connect 24 Visa eCard/ eVer-link eCard	181.818 VNĐ/thẻ/lần
7	**Phí chuyển tiền liên ngân hàng qua thẻ tại ATM**	

STT	Dịch vụ	Mức phí
7.1	Giao dịch giá trị từ 2.000.000 VNĐ trở xuống	5.000 VNĐ/giao dịch
7.2	Giao dịch giá trị lớn hơn 2.000.000 VNĐ và dưới 10.000.000 VNĐ	7.000 VNĐ/giao dịch
7.3	Giao dịch giá trị từ 10.000.000 VNĐ trở lên	0,02% giá trị giao dịch (tối thiểu 10.000 VNĐ)
8	**Phí chuyển tiền liên ngân hàng qua thẻ trên Digibank**	Miễn phí
9	**Phí giao dịch tại ATM trong hệ thống VCB**	
9.1	Thẻ Vietcombank Visa Platinum/ Vietcombank Visa Platinum eCard	
9.1.1	Rút tiền mặt	Miễn phí
9.1.2	Chuyển khoản	3.000 VNĐ/giao dịch
9.2	Các thẻ GNQT khác (Connect 24 Visa/ eVer-link/ Mastercard/ Cashback Plus American Express/ UnionPay/ Saigon Centre – Takashimaya – Vietcombank Visa/ Vietcombank Đại học quốc gia HCM Visa/ Connect 24 Visa eCard/ eVer-link eCard)	
9.2.1	Rút tiền mặt	1.000 VNĐ/giao dịch
9.2.2	Chuyển khoản	3.000 VNĐ/giao dịch
10	**Phí giao dịch tại ATM ngoài hệ thống VCB**	
10.1	RTM trong lãnh thổ Việt Nam	
10.1.a	Thẻ Vietcombank Visa công nghệ chip	3.000 VNĐ/giao dịch
10.1.b	Các thẻ GNQT khác (thẻ Visa – công nghệ từ/ Mastercard/ UnionPay/ Cashback Plus American Express)	9.090 VNĐ/giao dịch
10.2	RTM ngoài lãnh thổ Việt Nam	3,64% số tiền giao dịch
10.3	Vấn tin tài khoản	9.090 VNĐ/giao dịch (chỉ áp dụng cho thẻ UnionPay)
11	**Phí chuyển đổi ngoại tệ**	2,27% giá trị giao dịch
12	**Phí đòi bồi hoàn**	
12.1	Thẻ Vietcombank Visa Platinum/ Vietcombank Visa Platinum eCard	Miễn phí
12.2	Các thẻ GNQT khác (Connect 24 Visa/ eVer-link/ Mastercard/ Cashback Plus American Express/ UnionPay/ Saigon Centre – Takashimaya – Vietcombank Visa/	72.727 VNĐ/giao dịch

STT	Dịch vụ	Mức phí
	Vietcombank Đại học quốc gia HCM Visa/ Connect 24 Visa eCard/ eVer-link eCard)	
13	**Phí cung cấp bản sao hóa đơn giao dịch**	
13.1	Thẻ Vietcombank Visa Platinum/ Vietcombank Visa Platinum eCard	
13.1.1	*Tại ĐVCNT của VCB*	Miễn phí
13.1.2	*Tại ĐVCNT không thuộc VCB*	Miễn phí
13.2	Các thẻ GNQT khác (Connect 24 Visa/ eVer-link/ Mastercard/ Cashback Plus American Express/ UnionPay/ Saigon Centre – Takashimaya – Vietcombank Visa/ Vietcombank Đại học quốc gia HCM Visa/ Connect 24 Visa eCard/ eVer-link eCard)	
13.2.1	*Tại ĐVCNT của VCB*	18.181 VNĐ/hóa đơn
13.2.2	*Tại ĐVCNT không thuộc VCB*	72.727 VNĐ/hóa đơn
14	**Phí rút tiền mặt tại quầy ngoài hệ thống VCB**	3,64% số tiền giao dịch

GHI CHÚ

1. Các mức phí nêu trên chưa bao gồm VAT và một số trường hợp được đánh dấu (*) không thuộc đối tượng chịu VAT.
2. Đối với mức phí quy định theo tỷ lệ % thì phí thu được tính theo tỷ lệ % x giá trị giao dịch tương ứng.
3. Phí đòi bồi hoàn: Vietcombank sẽ không thu phí nếu khách hàng yêu cầu bồi hoàn đúng.
4. Phí chuyển đổi ngoại tệ do các Tổ chức thẻ quốc tế (TCTQT) và/hoặc Vietcombank quy định.
5. Các giao dịch liên quan đến việc sử dụng ngoại tệ tuân thủ theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối.
6. Tỷ giá quy đổi trong các giao dịch Thẻ: Là tỷ giá do Vietcombank áp dụng theo tỷ giá do các TCTQT quy định hoặc theo tỷ giá quy đổi của Vietcombank tại thời điểm giao dịch được cập nhật vào hệ thống của Vietcombank.
7. Các mức phí nêu trên là phí dành cho chủ thẻ do Vietcombank quy định, không bao gồm các loại phí phát sinh từ các dịch vụ khác do các Ngân hàng/Tổ chức khác quy định (nếu có).

8. Vietcombank không hoàn lại phí đã thu trong trường hợp khách hàng yêu cầu huỷ bỏ giao dịch/dịch vụ hoặc giao dịch/dịch vụ không thực hiện được vì sai sót, sự cố không phải do lỗi của Vietcombank gây ra.
9. Vietcombank có quyền thay đổi Biểu phí này trong từng thời kỳ và sẽ thông báo các thay đổi về phí 07 ngày trước khi áp dụng, thông qua trang thông tin điện tử chính thức của Vietcombank (website: www.vietcombank.com.vn) hoặc các phương thức khác theo quy định của Vietcombank trong từng thời kỳ./.